

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 639/2021/ HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hòa.
2. Bà Trương Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Đ, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, cư trú tại: Tổ Z, khu vực A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Đ trình bày:

Chị và anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q vào ngày 10-9-2003. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T nhậu nhẹt, đánh đập, ngược đãi, xúc

phạm đến nhân phẩm của chị rất nhiều lần. Sự việc này kéo dài suốt 16 năm qua. Chị đã nhiều lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó rút đơn vì hy vọng anh T biết sai sẽ thay đổi để các con có đủ cha và mẹ. Song anh T vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng tồi tệ, không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng và tin tưởng nhau; áp lực cuộc sống quá lớn, để lại nhiều hệ lụy và tổn thương, ảnh hưởng đến tâm lý cho con trẻ. Chị luôn cảm thấy bất an và nguy hiểm nếu còn tiếp tục sống chung với anh T. Chị đã đưa các con ra thuê nhà ở riêng từ 04 tháng nay. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 03 con chung là Trương Võ Quốc T (sinh ngày 20-01-2004), Trương Võ Quốc T1 (sinh ngày 22-6-2009) và Trương Võ Bằng C (sinh ngày 18-04-2012). Cháu T đang ở và đi làm chung với cha, đã có thu nhập riêng, còn cháu T1 và cháu C đang ở với chị; sức khỏe của các con bình thường. Hiện tại, chị không có mang thai. Chị đang làm công nhân ở Công ty M, thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng; anh T đang lái xe cho Công ty P, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Khi ly hôn, chị tôn trọng ý kiến của cháu T muốn ở với cha; chị xin được nuôi 02 cháu nhỏ và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

* Ý kiến của cháu Trương Võ Quốc T: Nếu cha mẹ của cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là muốn ở với cha.

* Ý kiến của cháu Trương Võ Quốc T1 và cháu Trương Võ Bằng C: Nếu cha mẹ của cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ; giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T1 và cháu C cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Cho nên, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Trương Văn T tiếp tục vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Đ và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q vào ngày 10-9-2003, nên hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị Đ trình bày và các chứng cứ đã cung cấp thì trong quá trình chung sống từ năm 2014 đến nay, giữa chị Đ và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ cách cư xử mang tính bạo lực trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng; chị Đ đã nhiều lần gửi đơn ly hôn ra Tòa rồi rút đơn để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không đạt được. Về phía anh T cũng không có động thái gì để làm thay đổi tình trạng đó; Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo nhưng anh T không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, có ý thức bỏ mặc; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị Đ và anh T được ly hôn.

[4] Chị Đ và anh T có 03 con chung là Trương Võ Quốc T (sinh ngày 20-01-2004), Trương Võ Quốc T1 (sinh ngày 22-6-2009) và Trương Võ Băng C (sinh ngày 18-04-2012). Chị Đ có nguyện vọng nuôi 02 cháu T1 và C; chị tôn trọng ý kiến của Cháu T muốn ở với cha. Xét điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Tòa thấy rằng nên giao cháu T cho anh T nuôi còn chị Đ nuôi cháu T1 và cháu C; cháu T sắp đủ 18 tuổi, đã đi làm và có thu nhập, nên anh T cần phải cấp dưỡng phụ thêm cho chị Đ nuôi 02 cháu nhỏ mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đ phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Đ và anh Trương Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Trương Võ Quốc T (sinh ngày 20-01-2004) cho anh Trương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Giao cháu Trương Võ Quốc T1 (sinh ngày 22-6-2009) và cháu Trương Võ Bằng C (sinh ngày 18-04-2012) cho chị Võ Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu T1 và cháu C mỗi tháng là 3.000.000 đồng, kể từ tháng 9-2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Võ Thị Đ phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Trương Văn T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường Đ, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh